

UBND TỈNH HÀ NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: *167* /SKHCN-VP

Hà Nam, ngày 08 tháng 8 năm 2016

V/v Đề nghị thẩm định dự thảo Đề án, Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam

Thực hiện Chương trình công tác năm 2016 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam phê duyệt;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 15 tháng 10 năm 2014 của liên bộ: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước;

Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng dự thảo Đề án và dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Nam.

Để hoàn thiện các văn bản trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, Sở Khoa học và Công nghệ trân trọng đề nghị Sở Tư pháp thẩm định:

1. Dự thảo Đề án;
2. Dự thảo Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định;
3. Dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Nam.

Trên cơ sở thẩm định của quý cơ quan, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tiếp thu, hoàn thiện các dự thảo văn bản và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Đặng Đình Thoảng

Số: /ĐA-SKHHCN

Hà nam, ngày tháng 8 năm 2016

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

Kiến toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Nam

Thực hiện Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHHCN-BNV ngày 15/10/2014 của liên bộ: Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng Đề án kiến toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Nam như sau:

A. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. Sự cần thiết

Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam; sự chỉ đạo, giúp đỡ về chuyên môn của Bộ Khoa học và Công nghệ; đồng thời với sự cố gắng nỗ lực của các cán bộ trong toàn Ngành, về cơ bản tổ chức bộ máy, cán bộ của Sở Khoa học và Công nghệ ổn định, các hoạt động chuyên môn được triển khai thực hiện có hiệu quả, góp phần thiết thực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trong tỉnh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân trong tỉnh.

Hiện tại cơ cấu tổ chức bộ máy, cán bộ của Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT-BKHHCN-BNV ngày 18/6/2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Nội Vụ và được quy định tại cụ thể tại Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà nam.

Ngày 15/10/2014 liên bộ: Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHHCN-BNV Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thay thế Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT-BKHHCN-BNV ngày 18 tháng 6 năm 2008.

Để đảm bảo thực hiện theo Hướng dẫn của Liên bộ: Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ tại Thông tư 29/2014/TTLT-BKHHCN-BNV và phù hợp với chủ trương của Chính phủ và Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính, nhất là sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu quả; Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng Đề án kiến toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Nam báo cáo và Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

II. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKH-CN-BNV ngày 15/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

B. THỰC TRẠNG CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Tình hình tổ chức bộ máy:

Hiện nay, Sở Khoa học và Công nghệ gồm có 06 phòng chuyên môn và 02 đơn vị trực thuộc, cụ thể như sau:

1. Các phòng chuyên môn thuộc Sở: Gồm 6 phòng

- Văn phòng Sở;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- Phòng Quản lý Khoa học;
- Phòng Quản lý Công nghệ và An toàn bức xạ;
- Phòng Sở hữu trí tuệ và Thông tin Khoa học và Công nghệ;
- Thanh tra Sở.

2. Các đơn vị trực thuộc

2.1. Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, gồm 03 phòng:

- Phòng Hành chính - Tổng hợp;
- Phòng Quản lý Đo lường;
- Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng và TBT.

2.2. Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học Công nghệ và Kiểm định, kiểm nghiệm, gồm 03 phòng:

- Phòng Hành chính;
- Phòng Kiểm định cơ lý hoá;
- Phòng Phân tích-thí nghiệm.

II. Tình hình sử dụng biên chế:

- Tổng số biên chế được giao năm 2016 là 44 biên chế, trong đó biên chế công chức là 30 người; biên chế viên chức là 14 người.

- Số cán bộ công chức, viên chức, lao động đồng theo Nghị định 68, hiện có là 42 người, trong đó:

+ Tại cơ quan Văn phòng Sở và Chi cục TĐC: Số công chức là 26, số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP là 03 người.

+ Tại Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KHCN và KĐKN: Số công chức là 01 người, số viên chức là 08 người, số lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP là 04 người.

- Số lao động hợp đồng ngắn hạn tại Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KHCN và KĐKN là 08 người.

III. Chức năng nhiệm vụ

Hiện nay, Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nam thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Nam.

C. NỘI DUNG KIẾN TOÀN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO HƯỚNG DẪN TẠI THÔNG TƯ 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV

I. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Nam

1. Vị trí, chức năng

1.1. Sở Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi tắt là Sở) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, bao gồm: hoạt động khoa học và công nghệ; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ công về các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng của Sở theo quy định của pháp luật.

1.2. Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

1.3. Trụ sở làm việc của Sở Khoa học và Công nghệ đặt tại Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

2.1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm, các đề án, dự án về khoa học và công nghệ; chương trình, biện pháp

tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn;

b) Các cơ chế, chính sách, biện pháp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, phát triển tiềm lực và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống;

c) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở; quyết định việc thành lập và quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Dự thảo văn bản quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với Trưởng, Phó các đơn vị trực thuộc Sở; tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý về lĩnh vực khoa học và công nghệ của Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị thuộc Sở theo quy định của pháp luật; thành lập các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ theo quy định tại Luật khoa học và công nghệ, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Dự thảo quyết định về giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi quản lý cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

c) Dự thảo quyết định, chỉ thị cá biệt thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực khoa học và công nghệ;

d) Dự thảo các văn bản quy định về quan hệ, phối hợp công tác giữa Sở Khoa học và Công nghệ với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.3. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, cơ chế, chính sách về khoa học và công nghệ sau khi được ban hành, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về khoa học và công nghệ của địa phương; hướng dẫn các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức khoa học và công nghệ của địa phương về quản lý khoa học và công nghệ.

2.4. Quản lý, tổ chức giám định, đăng ký, cấp, điều chỉnh, thu hồi, gia hạn các loại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy đăng ký, văn bằng, chứng chỉ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.5. Lập kế hoạch và dự toán chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước hàng năm dành cho lĩnh vực khoa học và công nghệ của địa phương trên cơ sở tổng hợp dự toán của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan. Theo dõi, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học và công nghệ của

tính theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Luật khoa học và công nghệ.

2.6. Về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:

a) Tổ chức việc xác định, đặt hàng, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tổ chức giao quyền sở hữu và quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân;

b) Theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện và sau nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng sau khi được đánh giá, nghiệm thu;

d) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước của tổ chức, cá nhân trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với các Sở, ban, ngành của địa phương và các cơ quan liên quan đề xuất danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia có tính liên ngành, liên vùng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

e) Thành lập các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ theo quy định tại Luật khoa học và công nghệ và theo phân cấp hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.7. Về phát triển thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ và tiềm lực khoa học và công nghệ:

a) Tổ chức khảo sát, điều tra đánh giá trình độ công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động các trung tâm giao dịch công nghệ, sàn giao dịch công nghệ, các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ tại địa phương;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trong hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp hỗ trợ đổi mới công nghệ;

c) Tổ chức thực hiện việc đăng ký và kiểm tra hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; hướng dẫn việc thành lập và chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; việc thành lập và phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn;

đ) Hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyên giao công nghệ trên địa bàn, bao gồm: chuyên giao công nghệ, đánh giá, định giá, giám định công nghệ, môi

giới và tư vấn chuyển giao công nghệ, các dịch vụ chuyển giao công nghệ khác theo quy định; thẩm định cơ sở khoa học và thẩm định công nghệ các dự án đầu tư, các quy hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, đề án khác của địa phương theo thẩm quyền;

e) Đề xuất các dự án đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của địa phương và tổ chức thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

g) Tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ của địa phương.

2.8. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật và công nghệ; khai thác, công bố, tuyên truyền kết quả nghiên cứu khoa học, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và các hoạt động khoa học và công nghệ khác; phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước tại địa phương.

2.9. Về sở hữu trí tuệ:

a) Tổ chức thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển hoạt động sở hữu công nghiệp; hướng dẫn nghiệp vụ sở hữu công nghiệp đối với các tổ chức và cá nhân; quản lý chỉ dẫn địa lý, địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý đặc sản địa phương;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tiến hành các thủ tục về sở hữu công nghiệp; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp và xử lý vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp;

c) Chủ trì triển khai các biện pháp để phổ biến, khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sáng chế, sáng kiến, sáng tạo tại địa phương; tổ chức xét, công nhận các sáng kiến do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất – kỹ thuật theo quy định của pháp luật;

d) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ đối với các lĩnh vực liên quan theo quy định của pháp luật và phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.10. Về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng:

a) Tổ chức việc xây dựng và tham gia xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương;

b) Tổ chức phổ biến áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, áp dụng phương thức đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn;

c) Tổ chức, quản lý, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện việc công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với các sản phẩm, hàng

hóa, dịch vụ, quá trình và môi trường theo phân công, phân cấp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Tiếp nhận bản công bố hợp chuẩn của tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh tại địa phương; tiếp nhận bản công bố hợp quy trong lĩnh vực được phân công;

đ) Thực hiện nhiệm vụ thông báo và hỏi đáp về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và hàng rào kỹ thuật trong thương mại trên địa bàn;

e) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

g) Tổ chức mạng lưới kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm về đo lường đáp ứng yêu cầu của địa phương; tổ chức thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm về đo lường trong các lĩnh vực và phạm vi được công nhận hoặc được chỉ định;

h) Tiếp nhận bản công bố sử dụng dấu định lượng; chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn theo quy định của pháp luật;

i) Tổ chức thực hiện việc kiểm tra về đo lường đối với chuẩn đo lường, phương tiện đo, phép đo, hàng đóng gói sẵn, hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm về đo lường theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các biện pháp để người có quyền và nghĩa vụ liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện phép đo, phương pháp đo, phương tiện đo, chuẩn đo lường, chất lượng hàng hóa;

k) Tổ chức thực hiện việc thử nghiệm phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu của tổ chức, cá nhân về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn;

l) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, hàng hóa nhập khẩu, hàng hoá lưu thông trên địa bàn và nhãn hàng hóa, mã số, mã vạch theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

m) Tổ chức thực hiện việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước theo quy định của pháp luật.

2.11. Về ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ, an toàn bức xạ và hạt nhân:

a) Về ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ:

- Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án và các biện pháp để thúc đẩy ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức triển khai hoạt động ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong các ngành kinh tế - kỹ thuật trên địa bàn;

- Quản lý các hoạt động quan trắc phóng xạ môi trường trên địa bàn;

- Tổ chức thực hiện các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ.

b) Về an toàn bức xạ và hạt nhân:

- Tổ chức thực hiện việc đăng ký về an toàn bức xạ và hạt nhân theo quy định của pháp luật hoặc phân công, phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Quản lý việc khai báo, thống kê các nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ, chất thải phóng xạ trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức thực hiện việc kiểm soát và xử lý sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân trên địa bàn;

- Xây dựng và tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát an toàn bức xạ và hạt nhân tại địa phương.

2.12. Về thông tin, thống kê khoa học và công nghệ:

a) Tổ chức hướng dẫn và triển khai thực hiện việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại địa phương;

b) Xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ; tham gia xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ, các cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của địa phương;

c) Tổ chức và thực hiện xử lý, phân tích – tổng hợp và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu, đào tạo, sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;

d) Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ tại địa phương; chủ trì triển khai chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về khoa học và công nghệ;

đ) Triển khai các cuộc điều tra thống kê về khoa học và công nghệ tại địa phương;

e) Quản lý, xây dựng và phát triển các nguồn tin khoa học và công nghệ của địa phương; tham gia Liên hiệp thư viện Việt Nam về các nguồn thông tin khoa học và công nghệ;

g) Tổ chức các chợ công nghệ - thiết bị, các trung tâm, sàn giao dịch thông tin công nghệ trực tiếp và trên mạng Internet, triển lãm, hội chợ khoa học và công nghệ; phổ biến, xuất bản ấn phẩm và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ;

h) Tổ chức hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực thông tin, thư viện, thống kê, cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ; in ấn, số hóa; tổ chức các sự kiện khoa học và công nghệ.

2.13. Về dịch vụ công:

a) Hướng dẫn các tổ chức sự nghiệp thực hiện dịch vụ công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn;

b) Tổ chức thực hiện các quy trình, thủ tục, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các hoạt động cung ứng dịch vụ công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ;

c) Hướng dẫn, tạo điều kiện hỗ trợ cho các tổ chức thực hiện dịch vụ công về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

2.14. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động khoa học và công nghệ đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân hoạt động trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2.15. Thực hiện hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.16. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức việc tiếp công dân và thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

2.17. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của các đơn vị trực thuộc Sở theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.18. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ đối với công chức chuyên trách quản lý khoa học và công nghệ thuộc Phòng Kinh tế, Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Công thương cấp huyện.

2.19. Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các hội, các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của địa phương theo quy định của pháp luật.

2.20. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản của Sở theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.21. Tổng hợp thông tin, báo cáo định kỳ sáu tháng, hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

2.22. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật

II. Cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Cơ cấu tổ chức

1.1. Lãnh đạo Sở

Sở Khoa học và Công nghệ có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc. Tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ;

1.2. Các phòng tham mưu, tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở:

a) Văn phòng

Tham mưu, giúp Giám đốc Sở tổng hợp, xây dựng và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Sở; tổ chức thực hiện công tác pháp chế của Sở theo quy định của pháp luật; thực hiện công tác tổ chức cán bộ, hành chính, văn thư, lưu trữ, quản trị đối với các hoạt động của Sở.

b) Thanh tra

- Tham mưu, giúp Giám đốc Sở tiến hành thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

- Thanh tra sở chịu sự chỉ đạo, điều hành của Giám đốc Sở; chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra và hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh, về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ.

c) Phòng Kế hoạch - Tài chính

Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện công tác kế hoạch, tổng hợp, tài chính, đầu tư phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

d) Phòng Quản lý khoa học:

Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, phát triển nguồn lực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

đ) Phòng Quản lý công nghệ và thị trường công nghệ;

Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghệ, thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

e) Phòng Quản lý khoa học và công nghệ cơ sở;

Tham mưu, giúp Giám đốc Sở hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện công tác quản lý về khoa học và công nghệ ở các Sở, ngành; các huyện, thành phố theo quy định của pháp luật.

g) Phòng Quản lý chuyên ngành;

Tham mưu, giúp Giám đốc Sở quản lý về sở hữu trí tuệ, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ, an toàn bức xạ và hạt nhân, thông tin và thống kê khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

1.3. Các đơn vị trực thuộc

a) Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng là đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về các lĩnh vực Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng theo quy định của pháp luật.

- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng.

- Về cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: Theo hướng dẫn tại Thông tư liên bộ số 29/2014/TTLT-BKH-CN-BNV thì Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng được thành lập đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục (thực hiện các hoạt động chuyên môn kỹ thuật về kiểm định, kiểm nghiệm, hiệu chỉnh, hiệu chuẩn các phương tiện đo lường và chất lượng một số hàng hóa). Tuy nhiên hiện nay, chức năng nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật này được giao cho Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH-CN và Kiểm định kiểm nghiệm. Vì vậy Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị không thành lập đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, để đảm bảo đúng chủ trương sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu quả mà vẫn đảm bảo thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao.

Như vậy Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ có các phòng trực thuộc Chi cục, không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

- Biên chế cán bộ: Nằm trong chỉ tiêu biên chế công chức của Sở Khoa học và công nghệ.

b) Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng, Kỹ thuật và Dịch vụ khoa học và công nghệ Hà Nam

- Về tên gọi: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng, Kỹ thuật và Dịch vụ khoa học và công nghệ Hà Nam được đổi tên từ Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và Kiểm định, Kiểm nghiệm theo Thông báo số 906 về Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam tại phiên họp Ủy ban ngày 15/6/2016.

- Về vị trí, chức năng: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng, Kỹ thuật và Dịch vụ khoa học công nghệ Hà Nam là đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có trụ sở, phương tiện, biên chế. Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp và từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị theo quy định của pháp luật.

- Về nhiệm vụ: Thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật khoa học và công nghệ của ba Trung tâm: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (trực thuộc Chi cục – Theo Thông tư 29/2014/TTLT-BKH-CN-BNV) và Trung tâm Thông tin, Thống kê Khoa học và công nghệ; cụ thể là xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật thuộc ba lĩnh vực chủ yếu: Nghiên cứu ứng dụng, tiếp nhận và chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống; Thực hiện các kỹ thuật kiểm định, kiểm nghiệm, hiệu chỉnh, hiệu chuẩn... về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng phục vụ quản lý nhà nước và theo nhu cầu của xã hội về khoa học và công nghệ; Thực hiện các hoạt động về thông tin, giáo dục, truyền thông, thống kê về khoa học và công nghệ.

2. Biên chế:

a) Biên chế hành chính các phòng tham mưu, tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở; Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng, Kỹ thuật và dịch vụ Khoa học công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ hằng năm trên cơ sở Đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ hằng năm trên cơ sở Đề án xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi Đề án kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

1. Dự thảo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng, kỹ thuật và Dịch vụ Khoa học công nghệ gửi các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. rà soát, sắp xếp lại hệ thống tổ chức bộ máy, cán bộ theo Quyết định mới ban hành và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và của Ngành Khoa học và công nghệ.

3. Trong quá trình thực hiện Quyết định mới ban hành, nếu có vấn đề phát sinh Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thống nhất với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo và Trình duyệt);
- Sở Tư Pháp (để thẩm định);
- Sở Nội vụ (để phối hợp);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Đặng Đình Thoảng

Số: /TTr-SKHCHN

Hà nam, ngày tháng năm 2016

Dự Thảo

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Nam

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam

Thực hiện Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHCHN-BNV ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Nam đã xây dựng Đề án kiện toàn và Dự thảo Quyết định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Nam;

Sau khi gửi Sở Tư pháp thẩm định (có văn bản thẩm định kèm theo), Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu và chỉnh sửa bổ sung, hoàn thiện Đề án kiện toàn và Dự thảo Quyết định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ;

Sở Khoa học và Công nghệ kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam phê duyệt Quyết định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ (Có dự thảo Quyết định kèm theo).

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để trình);
- Sở Nội vụ (để phối hợp);
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Đặng Đình Thoảng

Số: /2016/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày tháng năm 2016

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 15 tháng 10 năm 2014 của liên bộ: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Nội vụ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-BTP;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- VPUB: LĐVP, NC, NN-TNMT;
- Lru VT, NC (T).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Đông

QUY ĐỊNH
chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2016/QĐ-UBND ngày tháng
năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

1. Vị trí, chức năng

1.1. Sở Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi tắt là Sở) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, bao gồm: hoạt động khoa học và công nghệ; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ công về các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng của Sở theo quy định của pháp luật.

1.2. Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

1.3. Trụ sở làm việc của Sở Khoa học và Công nghệ đặt tại Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà nam.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

2.1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm, các đề án, dự án về khoa học và công nghệ; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn;

b) Các cơ chế, chính sách, biện pháp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyên giao công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, phát triển tiềm lực và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống;

c) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở; quyết định việc thành lập và quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Dự thảo văn bản quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với Trưởng, Phó các đơn vị trực thuộc Sở; tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý về lĩnh vực khoa học và công nghệ của Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị thuộc Sở theo quy định của pháp luật; thành lập các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ theo quy định tại Luật khoa học và công nghệ, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Dự thảo quyết định về giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi quản lý cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

c) Dự thảo quyết định, chỉ thị cá biệt thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực khoa học và công nghệ;

d) Dự thảo các văn bản quy định về quan hệ, phối hợp công tác giữa Sở Khoa học và Công nghệ với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.3. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, cơ chế, chính sách về khoa học và công nghệ sau khi được ban hành, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về khoa học và công nghệ của địa phương; hướng dẫn các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức khoa học và công nghệ của địa phương về quản lý khoa học và công nghệ.

2.4. Quản lý, tổ chức giám định, đăng ký, cấp, điều chỉnh, thu hồi, gia hạn các loại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy đăng ký, văn bằng, chứng chỉ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.5. Lập kế hoạch và dự toán chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước hàng năm dành cho lĩnh vực khoa học và công nghệ của địa phương trên cơ sở tổng hợp dự toán của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan. Theo dõi, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học và công nghệ của tỉnh theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Luật khoa học và công nghệ.

2.6. Về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:

a) Tổ chức việc xác định, đặt hàng, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tổ chức giao quyền sở hữu và quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân;

b) Theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện và sau nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng sau khi được đánh giá, nghiệm thu;

d) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước của tổ chức, cá nhân trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với các Sở, ban, ngành của địa phương và các cơ quan liên quan đề xuất danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia có tính liên ngành, liên vùng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

e) Thành lập các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ theo quy định tại Luật khoa học và công nghệ và theo phân cấp hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.7. Về phát triển thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ và tiềm lực khoa học và công nghệ:

a) Tổ chức khảo sát, điều tra đánh giá trình độ công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động các trung tâm giao dịch công nghệ, sàn giao dịch công nghệ, các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ tại địa phương;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trong hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp hỗ trợ đổi mới công nghệ;

c) Tổ chức thực hiện việc đăng ký và kiểm tra hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; hướng dẫn việc thành lập và chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; việc thành lập và phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn;

đ) Hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn, bao gồm: chuyển giao công nghệ, đánh giá, định giá, giám định công nghệ, môi giới và tư vấn chuyển giao công nghệ, các dịch vụ chuyển giao công nghệ khác theo quy định; thẩm định cơ sở khoa học và thẩm định công nghệ các dự án đầu tư, các quy hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, đề án khác của địa phương theo thẩm quyền;

e) Đề xuất các dự án đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của địa phương và tổ chức thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

g) Tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ của địa phương.

2.8. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học – kỹ thuật và công nghệ; khai thác, công bố, tuyên truyền kết quả nghiên cứu khoa học, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và các hoạt động khoa học và công nghệ khác; phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước tại địa phương.

2.9. Về sở hữu trí tuệ:

a) Tổ chức thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển hoạt động sở hữu công nghiệp; hướng dẫn nghiệp vụ sở hữu công nghiệp đối với các tổ chức và cá nhân; quản lý chỉ dẫn địa lý, địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý đặc sản địa phương;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tiến hành các thủ tục về sở hữu công nghiệp; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp và xử lý vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp;

c) Chủ trì triển khai các biện pháp để phổ biến, khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sáng chế, sáng kiến, sáng tạo tại địa phương; tổ chức xét, công nhận các sáng kiến do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất – kỹ thuật theo quy định của pháp luật;

d) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ đối với các lĩnh vực liên quan theo quy định của pháp luật và phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.10. Về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng:

a) Tổ chức việc xây dựng và tham gia xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương;

b) Tổ chức phổ biến áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, áp dụng phương thức đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn;

c) Tổ chức, quản lý, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện việc công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình và môi trường theo phân công, phân cấp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Tiếp nhận bản công bố hợp chuẩn của tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh tại địa phương; tiếp nhận bản công bố hợp quy trong lĩnh vực được phân công;

đ) Thực hiện nhiệm vụ thông báo và hỏi đáp về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và hàng rào kỹ thuật trong thương mại trên địa bàn;

e) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

g) Tổ chức mạng lưới kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm về đo lường đáp ứng yêu cầu của địa phương; tổ chức thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm về đo lường trong các lĩnh vực và phạm vi được công nhận hoặc được chỉ định;

h) Tiếp nhận bản công bố sử dụng dấu định lượng; chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn theo quy định của pháp luật;

i) Tổ chức thực hiện việc kiểm tra về đo lường đối với chuẩn đo lường, phương tiện đo, phép đo, hàng đóng gói sẵn, hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm về đo lường theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các biện pháp để người có quyền và nghĩa vụ liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện phép đo, phương pháp đo, phương tiện đo, chuẩn đo lường, chất lượng hàng hóa;

k) Tổ chức thực hiện việc thử nghiệm phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu của tổ chức, cá nhân về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn;

l) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, hàng hóa nhập khẩu, hàng hoá lưu thông trên địa bàn và nhãn hàng hóa, mã số, mã vạch theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

m) Tổ chức thực hiện việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước theo quy định của pháp luật.

2.11. Về ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ, an toàn bức xạ và hạt nhân:

a) Về ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ:

- Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án và các biện pháp để thúc đẩy ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức triển khai hoạt động ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong các ngành kinh tế - kỹ thuật trên địa bàn;

- Quản lý các hoạt động quan trắc phóng xạ môi trường trên địa bàn;

- Tổ chức thực hiện các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ.

b) Về an toàn bức xạ và hạt nhân:

- Tổ chức thực hiện việc đăng ký về an toàn bức xạ và hạt nhân theo quy định của pháp luật hoặc phân công, phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Quản lý việc khai báo, thống kê các nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ, chất thải phóng xạ trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức thực hiện việc kiểm soát và xử lý sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân trên địa bàn;

- Xây dựng và tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát an toàn bức xạ và hạt nhân tại địa phương.

2.12. Về thông tin, thống kê khoa học và công nghệ:

a) Tổ chức hướng dẫn và triển khai thực hiện việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại địa phương;

b) Xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ; tham gia xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ, các cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của địa phương;

c) Tổ chức và thực hiện xử lý, phân tích – tổng hợp và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu, đào tạo, sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;

d) Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ tại địa phương; chủ trì triển khai chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về khoa học và công nghệ;

đ) Triển khai các cuộc điều tra thống kê về khoa học và công nghệ tại địa phương;

e) Quản lý, xây dựng và phát triển các nguồn tin khoa học và công nghệ của địa phương; tham gia Liên hiệp thư viện Việt Nam về các nguồn thông tin khoa học và công nghệ;

g) Tổ chức các chợ công nghệ - thiết bị, các trung tâm, sàn giao dịch thông tin công nghệ trực tiếp và trên mạng Internet, triển lãm, hội chợ khoa học và công nghệ; phổ biến, xuất bản ấn phẩm và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ;

h) Tổ chức hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực thông tin, thư viện, thống kê, cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ; in ấn, số hóa; tổ chức các sự kiện khoa học và công nghệ.

2.13. Về dịch vụ công:

a) Hướng dẫn các tổ chức sự nghiệp thực hiện dịch vụ công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn;

b) Tổ chức thực hiện các quy trình, thủ tục, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các hoạt động cung ứng dịch vụ công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ;

c) Hướng dẫn, tạo điều kiện hỗ trợ cho các tổ chức thực hiện dịch vụ công về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

2.14. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động khoa học và công nghệ đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân hoạt động trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2.15. Thực hiện hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.16. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức việc tiếp công dân và thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

2.17. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của các đơn vị trực thuộc Sở theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.18. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ đối với công chức chuyên trách quản lý khoa học và công nghệ thuộc Phòng Kinh tế, Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Công thương cấp huyện.

2.19. Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các hội, các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của địa phương theo quy định của pháp luật.

2.20. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản của Sở theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.21. Tổng hợp thông tin, báo cáo định kỳ sáu tháng, hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

2.22. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật

3. Cơ cấu tổ chức

3.1. Lãnh đạo Sở:

a) Sở Khoa học và Công nghệ có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

b) Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; báo cáo trước Hội đồng nhân dân, trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo yêu cầu.

c) Phó Giám đốc Sở là người giúp Giám đốc Sở, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công; khi Giám đốc Sở

vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở.

d) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Giám đốc Sở và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành và theo các quy định của pháp luật.

đ) Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức trực thuộc Sở theo tiêu chuẩn chức danh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

e) Giám đốc, Phó Giám đốc Sở không kiêm chức danh Trưởng của đơn vị cấp dưới có tư cách pháp nhân.

3.2. Các tổ chức tham mưu, tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Văn phòng;

b) Thanh tra;

c) Phòng Kế hoạch - Tài chính;

d) Phòng Quản lý khoa học;

đ) Phòng Quản lý công nghệ và thị trường công nghệ;

e) Phòng Quản lý khoa học và công nghệ cơ sở;

g) Phòng Quản lý chuyên ngành;

h) Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng.

3.3. Các đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng, Kỹ thuật và Dịch vụ khoa học và công nghệ;

b) Căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tiễn của Ngành Khoa học và công nghệ và của tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và công nghệ chủ trì và phối hợp với Sở Nội vụ để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập khác cho phù hợp.

Các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cơ bản theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở được quy định theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 15 tháng 10 năm 2014 của liên bộ: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

4. Biên chế

a) Biên chế công chức trong các tổ chức tham mưu tổng hợp, chuyên môn, nghiệp vụ và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp của Sở được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Sở Khoa học và Công nghệ lập kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức mới.

b) Hướng dẫn nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ đối với các Phòng Công thương, Phòng Kinh tế, Phòng Kinh tế hạ tầng huyện, thành phố./.

UBND TỈNH HÀ NAM
VĂN PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 906 /TB-VPUB

Hà Nam, ngày 15 tháng 6 năm 2016

THÔNG BÁO

**Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
tại phiên họp Ủy ban**

Ngày 13 tháng 6 năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh họp thảo luận các Đề án do các Sở, ngành được phân công soạn thảo trình. Tham dự phiên họp có Lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh, các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Lãnh đạo các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Sau khi nghe Lãnh đạo các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nội vụ, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường báo cáo Đề án, Lãnh đạo các Sở, ngành, huyện, thành phố phát biểu ý kiến, Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh thảo luận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết luận:

1. Quyết định ban hành Quy định lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch xây dựng, cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

1. Căn cứ Luật Xây dựng 2003 và các Luật: Quy hoạch đô thị, Thanh tra, Xử lý vi phạm hành chính, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành, ngày 19/8/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch xây dựng, cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, ngày 18/6/2014, Quốc hội ban hành Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015) và ngày 06/5/2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 44/2015/NĐ-CP về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, trong đó có những nội dung mới về phân loại quy hoạch xây dựng, lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng, cấp giấy phép xây dựng, cấp giấy phép quy hoạch..., do đó cần thiết ban hành Quyết định mới, thay thế Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND.

2. Đối với những nội dung còn có ý kiến khác nhau:

- Nội dung 1 (lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu vực trong đô thị mới đã có quy hoạch chung được phê duyệt); nội dung 3 (phân cấp cấp giấy phép xây dựng đối với các cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh); nội dung 4 (lập, thẩm định và phê duyệt quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị và thiết kế đô thị): Nhất trí như đề xuất của Sở Xây dựng.

- Nội dung 2 (điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng): Sở Xây dựng nghiên cứu chỉnh sửa dự thảo theo hướng trước khi lập quy hoạch điều chỉnh phải có chủ trương chấp thuận của cơ quan phê duyệt quy hoạch nhưng không đặt ra thêm thủ tục hành chính cho các nhà đầu tư.

3. Yêu cầu Sở Xây dựng tiếp thu ý kiến các thành viên Ủy ban và đại biểu dự họp, lược bỏ những nội dung không cần thiết, hoàn thiện dự thảo đảm bảo gọn, rõ, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, trình ký ban hành trước ngày 25/6/2016.

II. Quyết định ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Hà Nam

1. Thực hiện Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và trước những tồn tại, bất cập trong quản lý hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh thời gian qua, việc xây dựng Quyết định ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh là cần thiết và phù hợp với thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Công Thương tiếp thu ý kiến các thành viên Ủy ban và đại biểu dự họp, đặc biệt là ý kiến của đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách khối, hoàn thiện dự thảo theo hướng: Đảm bảo tăng cường quản lý nhà nước nhưng không gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp; nêu được toàn diện nội dung quản lý (*đầu tư, quy hoạch, xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy, đo lường, quản lý nguồn cung cấp, quản lý thực hiện nghĩa vụ tài chính*), đi sâu nội dung chưa được quy định hoặc chưa quy định rõ trong các văn bản của Trung ương, của tỉnh, gán trách nhiệm các cơ quan, đơn vị theo từng nội dung; nêu rõ thêm trách nhiệm của tổ chức kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh, trình ký ban hành trong tháng 6/2016

III. Đề án sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh

1. Tiến độ xây dựng, hoàn thiện Đề án sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh chậm do đây là việc khó và nhiều Sở, ngành, huyện còn né tránh, chưa thực sự vào cuộc.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất một số nội dung sau:

2.1. Các đơn vị thực hiện sắp xếp, kiện toàn:

- Sắp xếp, sáp nhập, đổi tên, thành lập các ban quản lý dự án cấp tỉnh, cấp huyện.

- Giải thể trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nam (để bàn giao về trường Đại học Sư phạm Hà Nội). Đồng ý tiếp tục cấp kinh phí đào tạo cho số sinh viên đã tuyển đến hết năm 2018.

- Sáp nhập Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng tỉnh vào Trung tâm Văn hóa tỉnh

- Sắp xếp, sáp nhập, thành lập các đơn vị trực thuộc ngành y tế như dự thảo Đề án.

- Sáp nhập Trường Trung cấp nghề công nghệ Hà Nam vào Trường Cao đẳng nghề Hà Nam.

- Sáp nhập Ban Giải phóng mặt bằng vào Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc UBND thành phố Phủ Lý

- Sáp nhập Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng với Chi cục Giám định xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng.

- Chuyển đơn vị sự nghiệp sang hoạt động theo mô hình như doanh nghiệp (hoặc xã hội hóa): Trung tâm Khảo sát Quy hoạch bản đồ trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Trung tâm Quy hoạch đô thị, nông thôn trực thuộc Sở

Xây dựng; Bến xe Trung tâm tỉnh trực thuộc Sở Giao thông-Vận tải; Bến xe khách Hòa Mạc thuộc huyện Duy Tiên.

- Chuyển các đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên sang đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: Trung tâm đào tạo, sát hạch và cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, Trung tâm Đăng kiểm phương tiện GTVT trực thuộc Sở Giao thông-Vận tải; Trung tâm Tư vấn phát triển công nghiệp và tiết kiệm năng lượng trực thuộc Sở Công Thương; Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng.

Yêu cầu Sở Nội vụ trên cơ sở nội dung đã thống nhất, hoàn chỉnh, trình phê duyệt Đề án để triển khai thực hiện ngay trong năm 2016 và đầu năm 2017 (*trước mắt hoàn thành sắp xếp, sáp nhập, đổi tên, thành lập các ban quản lý dự án cấp tỉnh, cấp huyện trong tháng 6/2016*); lưu ý xác định lại trách nhiệm các đơn vị đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

Yêu cầu các Sở, ngành, huyện, thành phố có đơn vị sự nghiệp được sắp xếp, kiện toàn: Phối hợp Sở Nội vụ xác định tên đơn vị sau sáp nhập, chuyển đổi; làm tốt công tác tư tưởng đối với cán bộ, công nhân viên để tạo sự đồng thuận trong triển khai thực hiện.

2.2. Các đơn vị chưa thực hiện chuyển từ tự bảo đảm một phần chi thường xuyên sang tự bảo đảm chi thường xuyên:

- Nhà hát Chèo: Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Nội vụ xác định rõ mức độ hỗ trợ và lộ trình giảm dần mức hỗ trợ.

- Trung tâm Xúc tiến đầu tư trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KHCN, kiểm định, kiểm nghiệm trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ: Đổi tên và giảm dần mức hỗ trợ

3. Đối với nội dung khác, Sở, ngành còn ý kiến, chưa thống nhất: Sở Nội vụ xem xét, làm việc lại với đơn vị, trình phê duyệt đề thực hiện sau quý I/2017.

IV. Báo cáo kết quả kiểm tra và đề xuất hướng xử lý các tồn tại, vi phạm theo kết quả kiểm tra tình hình thực hiện Kế hoạch 566/KH-UBND tại các huyện, thành phố

1. Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp thu, hoàn chỉnh báo cáo của Đoàn kiểm tra, báo cáo đề xuất hướng xử lý, trên cơ sở đó hoàn thiện báo cáo của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh để cáo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*tài liệu kèm theo: Báo cáo của Đoàn kiểm tra; các quy định làm căn cứ để xuất phương án xử lý; đánh giá tác động của phương án xử lý*).

2. Một số nội dung cụ thể trong Báo cáo của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh:

2.1. Rà soát lại thể thức Báo cáo.

2.2. Kết quả kiểm tra: Nhất trí như Báo cáo của Đoàn kiểm tra, bổ sung thêm nguyên nhân, trách nhiệm

2.3. Đề xuất các phương án xử lý:

- Nêu rõ nguyên tắc xử lý (*đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng trên cơ sở vận dụng các quy định của pháp luật, đảm bảo ổn định tình hình, gắn với xử lý trách nhiệm*).

- Phương án xử lý: Cơ bản thống nhất như đề xuất. Đối với từng trường hợp, chỉ nêu chung nội dung vi phạm/tồn sót (*không cố định về số lượng*)

Một số nội dung cần lưu ý:

+ Thực hiện nghĩa vụ tài chính:

Trường hợp không phải do lỗi của dân, giá tiền nộp nghĩa vụ tài chính đồng nhất với phương án UBND cấp huyện đã phê duyệt trước đây.

Trường hợp ghi nợ, giá tiền nộp nghĩa vụ tài chính nghiên cứu vận dụng đảm bảo tính khả thi.

+ Điều chỉnh thời hạn hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã in nhưng chưa giao cho người sử dụng đất. Bổ sung thêm nội dung: Sau thời hạn xử lý các tồn sót sẽ không xem xét xử lý đối với trường hợp người dân cố tình không thực hiện, phối hợp thực hiện; xử lý trách nhiệm cán bộ liên quan của huyện, xã nếu thực hiện chậm trễ, không hoàn thành đúng thời gian quy định.

+ Xử lý các trường hợp hợp pháp hóa đất nông nghiệp sai quy định: Chỉ nêu phương án chọn (*phương án 1*)

- Đề xuất xử lý trách nhiệm các tổ chức, cá nhân đã buông lỏng quản lý nhà nước về đất đai.

2.4. Đề xuất, kiến nghị với Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

- Chấp thuận phương án xử lý như nêu tại phần 2.

- Chỉ đạo Ban Thường vụ các huyện, thành ủy tập trung chỉ đạo rà soát, xử lý các trường hợp vi phạm, tồn sót.

- Giao Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

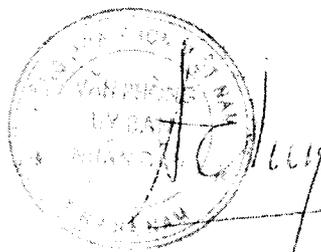
- Ban hành văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh, xử lý các vi phạm về đất đai.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo để các cơ quan liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - Các đ/c Lãnh đạo UBND tỉnh;
 - Các đ/c Ủy viên Ủy ban;
 - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
 - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
 - Các Sở, ngành;
 - Các tổ chức chính trị - xã hội: Hội LHPN, Tỉnh đoàn, Liên đoàn lao động tỉnh, Hội ND, Hội CCN;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Báo Hà Nam, Đài PTTH, Công TTĐT tỉnh;
 - VPUB: LDVP, các CV, phòng CB – TH;
 - Lưu: VT, TH.
- Th.KLhopUBthang6/2016

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Mai Thành Chung